

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 04/5/2021

V/v: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Kim Ngân**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Phạm Thị Kiểm**, nguyên Giáo viên Trường tiểu học Dương Đông 1, thành phố Phú Quốc

2. Ông **Nguyễn Phước Lộc**, nguyên Giám đốc T tâm Dân số kế hoạch hoá gia đình. thành phố Phú Quốc

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Hồng Hà** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc: Ông **Lê Văn Chung**, Kiểm sát viên

Trong ngày 04 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 308/2020/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 11 năm 2020 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 14/4/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Tổ A, ấp C T N, xã C D, thành phố P Q, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Ông **Đoàn Văn T**, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Số 74, đường T H Đ, khu phố A, phường D Đ, thành phố P Q, tỉnh Kiên Giang.

(Bà M, ông T có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong suốt quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị M trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2017 bà M và ông T tự tìm hiểu và tự nguyện đến với nhau về chung sống vợ chồng, đến ngày 07/02/2018 cả hai lập thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã C D, huyện P Q (nay là thành phố P Q), tỉnh Kiên Giang, giấy chứng nhận kết hôn số 16/2018.

Trong thời gian chung sống vợ chồng có hai người con chung tên Đoàn Thị Thùy L, sinh ngày 30/11/2018 và Đoàn Quốc T, sinh ngày 17/7/2020.

Khi mới kết hôn vợ chồng đã chung sống không hạnh phúc, thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân ngày càng trầm trọng kéo dài. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2020. Nay xét thấy không thể duy trì quan hệ hôn nhân được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu Tòa án được ly hôn với ông Đoàn Văn T.

-Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có với nhau 02 người con chung là cháu Đoàn Thị Thùy L, sinh ngày 30/11/2018 và Đoàn Quốc T, sinh ngày 17/7/2020 . Bà M yêu cầu được nuôi cả 02 con chung đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung. Theo đơn khởi kiện yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con là mỗi cháu 3.500.000đ/tháng đến khi các cháu đủ 18 (mười tám) tuổi. Tại phiên toà hôm nay đã thay đổi mức cấp dưỡng chỉ yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung là 1.500.000đ/tháng cho mỗi cháu đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng nên cũng không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Đoàn Văn T trình bày như sau:

-Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2017 ông T và bà M tự tìm hiểu và tự nguyện đến với nhau về chung sống vợ chồng, đến ngày 07/02/2018 cả hai lập thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã C D, huyện P Q (nay là thành phố P Q), tỉnh Kiên Giang, giấy chứng nhận kết hôn số 16/2018.

Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do những yêu cầu vô lý của bà M, mâu thuẫn đỉnh điểm nhất xảy ra là vào ngày 28/02/2020 và vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay. Nay xét thấy không thể nào hàn gắn lại được nữa, bà M khởi kiện ly hôn thì ông T đồng ý.

-Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có với nhau 02 người con chung là cháu Đoàn Thị Thùy L, sinh ngày 30/11/2018 và Đoàn Quốc T, sinh ngày 17/7/2020. Ông T có nguyện vọng nuôi cháu Đoàn Thị Thùy L, sinh ngày 30/11/2018, đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con chung.

Đối với cháu Đoàn Quốc T, sinh ngày 17/7/2020 ông T đồng ý giao cho bà M nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), ông T sẽ cấp dưỡng nuôi cháu T mỗi tháng là 1.500.000 đồng đến khi cháu tròn 36 tháng tuổi, theo ông T thì bà M sẽ không có đủ điều kiện kinh tế để nuôi cả hai người con chung. Trường hợp nếu Toà án giao cho bà M nuôi cả hai con chung thì ông T chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung là 750.000đ/tháng cho cả hai cháu đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi).

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Ông T cam kết vợ chồng không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng nên cũng không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc phát biểu:

-Về thủ tục tố tụng:

Việc Tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử và trước khi nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng theo quy định. Tuy nhiên, đương sự đã nộp biên lai thu tiền tạm ứng án phí ngày 04/11/2020 nhưng đến ngày 11/11/2020 Tòa án mới thụ lý vụ án là chưa đảm bảo theo quy định tại khoản 3 Điều 195 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Ngày 11/11/2020 Toà án thụ lý vụ án nhưng đến ngày 04/5/2021 Toà án đưa vụ án ra xét xử là trên 04 tháng, đã quá thời hạn chuẩn bị xét xử, vi phạm quy định tại điểm a khoản 1 Điều 203 BLTTDS năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự tại các Điều 70,71 và 72 BLTTDS năm 2015.

-Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Tại phiên tòa bà M và ông T thống nhất yêu cầu Toà án công nhận thuận tình ly hôn. Xét đây là sự tự nguyện của các đương sự nên ghi nhận cho bà Nguyễn Thị M và ông Đoàn Văn T được ly hôn là phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Căn cứ vào khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị M giao cháu Đoàn Thị Thùy L, sinh ngày 30/11/2018 và cháu Đoàn Quốc T, sinh ngày 17/7/2020 cho bà M được nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con: Căn cứ khoản 2 Điều 82, Điều 110 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 buộc ông Đoàn Văn T phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung cùng bà M là 3.000.000đ/tháng đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi). Sau này, bà M và ông T xét thấy việc cấp dưỡng nuôi con không còn phù hợp và chưa đảm bảo thì có quyền yêu cầu Toà án thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị M và anh Đoàn Văn T thống nhất thoả thuận không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị M và anh Đoàn Văn T cam kết vợ chồng không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng, không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Bị đơn ông Đoàn Văn T có nơi cư trú tại thành phố Phú Quốc, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Năm 2017 bà Nguyễn Thị M và ông Đoàn Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C D, huyện P Q (nay là thành phố P Q), tỉnh Kiên Giang, theo giấy chứng nhận kết hôn số 16/2018.

Quá trình chung sống ông, bà xảy ra nhiều mâu thuẫn, tình cảm không còn hạnh phúc. Bà M và ông T hiện nay không còn sống chung với nhau từ năm tháng 3 năm 2020 đến nay. Nay bà M khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông T và ông T đồng ý nên ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà M và ông T theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị M và ông Đoàn Văn T có hai người con chung là cháu Đoàn Thị Thùy L, sinh ngày 30/11/2018 và cháu Đoàn

Quốc T, sinh ngày 17/7/2020. Xét yêu cầu của bà M được nuôi hai con chung đến tuổi trưởng thành. Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, cháu Đoàn Thị Thùy L, sinh ngày 30/11/2018 và cháu Đoàn Quốc T, sinh ngày 17/7/2020 đều dưới 36 tháng tuổi, việc giao cháu L và cháu T cho bà M được tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp, đảm bảo cho sự phát triển về tinh thần, thể chất, trí tuệ của con chưa thành niên. Căn cứ khoản 3, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao hai cháu Đoàn Thị Thùy L, sinh ngày 30/11/2018 và cháu Đoàn Quốc T, sinh ngày 17/7/2020 cho bà M được nuôi dưỡng đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi).

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tại phiên toà hôm nay, bà Nguyễn Thị M yêu cầu ông Đoàn Văn T cấp dưỡng nuôi con cùng bà M mỗi cháu là 1.500.000đ/tháng đến khi các cháu trưởng thành. Ông T chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi hai con chung là 1.500.000đ/tháng đến khi các cháu trưởng thành. Hội đồng xét xử xét thấy, với thu nhập của ông T là 6.000.000đ/tháng, có đủ khả năng để cấp dưỡng nuôi hai con. Tuy nhiên, xét thấy ông T còn phải chi tiêu sinh hoạt, đảm bảo cho cuộc sống của mình, nên chỉ chấp nhận một phần yêu cầu cấp dưỡng của bà M.

Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 82, 110 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 buộc ông Đoàn Văn T phải cấp dưỡng nuôi cháu Đoàn Thị Thùy L, sinh ngày 30/11/2018 mỗi tháng 1.000.000đ/tháng đến khi cháu L trưởng thành (đủ 18 tuổi) và ông T phải cấp dưỡng nuôi cháu Đoàn Quốc T, sinh ngày 17/7/2020 mỗi tháng 1.000.000đ/tháng đến khi cháu T trưởng thành (đủ 18 tuổi). Sau này, bà M và ông T xét thấy việc cấp dưỡng nuôi con không còn phù hợp và chưa đảm bảo thì có quyền yêu cầu Toà án thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị M và ông Đoàn Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Căn cứ Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự, nên Tòa án không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

- Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị M và ông Đoàn văn T xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị M phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm. Ông Đoàn Văn T phải nộp án phí cấp dưỡng theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 5, 28, 35, 39, 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 55, 56, 81, 82, 110 và Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 và khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị M và ông Đoàn Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Đoàn Thị Thùy L, sinh ngày 30/11/2018 và cháu Đoàn Quốc T, sinh ngày 17/7/2020 cho bà M được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Buộc ông Đoàn Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con cùng bà Nguyễn Thị M. Cụ thể: Ông T phải cấp dưỡng nuôi cháu Đoàn Thị Thùy L, sinh ngày 30/11/2018 mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng) đến khi cháu L trưởng thành (đủ 18 tuổi) và ông T phải cấp dưỡng nuôi cháu Đoàn Quốc T, sinh ngày 17/7/2020 mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng) đến khi cháu T trưởng thành (đủ 18 tuổi). Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Vì lợi ích mọi mặt của con chung, khi cần thiết một trong các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị M và ông Đoàn Văn T không yêu cầu, nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị M và ông Đoàn Văn T xác nhận không có, nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị M phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm 300.000đ, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà M đã nộp 600.000đ (Sáu trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0007634 ngày 04/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Quốc (nay là thành phố Phú Quốc,) tỉnh Kiên Giang. Bà M được hoàn trả lại 300.000đ (Ba trăm nghìn) đồng. Ông Đoàn Văn T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa nên được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được T hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. Phú Quốc;
- Chi cục THADS TP. Phú Quốc;
- UBND xã Cửa Dương;
- Các Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Kim Ngân

